

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 06 - 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phú Mẫn và bà Phạm Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Thuý Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐ-ST ngày 19/5/2025, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số B, ngõ G, đường X, quận D, thành phố T, Đ, Đài Loan (Trung Quốc), vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Bùi Thị L để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Đinh Thị Hồng G, sinh năm 1998; địa chỉ: Tòa K, chung cư K city L, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Chu Ngọc D, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: A đang ở Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Đinh Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Bùi Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày

07/3/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được một con chung là cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018. Quá trình chung sống về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh D bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh D có một con chung là cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018. Hiện nay cháu đang ở với bà nội Đinh Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà E, ngõ A, đường P, tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là mẹ đẻ của anh D. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu Chu Đức T cho anh D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L xin đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D với số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho đến đi cháu Chu Đức T đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 14/3/2025 và ngày 19/5/2025, bà Đinh Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh D, anh D và chị L lấy nhau có đăng ký kết hôn và sinh được một người con chung là cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018, hiện cháu T đang ở cùng bà. Nay chị L xin ly hôn với anh D bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc chị L đề nghị giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L, bà đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T trong thời gian anh D không ở Việt Nam. Khi nào anh D về nước, bà sẽ giao cháu T cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà cam đoan không cản trở chị Bùi Thị L thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu T.

Nguyện vọng của cháu T mong muốn được ở cùng với bố, trong thời gian bố D đi làm ăn xa thì cháu xin được ở cùng bà nội.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng chị L và anh D vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Q ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Chu Ngọc D. Về con chung: Giao cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và tự lập được, chị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D với số tiền 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L về ly hôn, tranh chấp nuôi con, do chị L và anh D đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị Đinh Thị Hồng G, sinh năm 1998; địa chỉ: Tòa K, chung cư K city L, phường T, quận L, thành phố Hà Nội là người đại diện theo uỷ quyền của chị Bùi Thị L để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án. Do nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, chị L và bà N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh D và bà N theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 07/3/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được một con chung là cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018. Quá trình chung sống về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh D bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh chị đã sống ly

thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Toà án xử cho chị được ly hôn với anh D, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L xác định chị và anh D có một con chung là cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018. Hiện nay cháu đang ở với bà nội Đinh Thị N. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu Chu Đức T cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được, do anh D và chị L đang làm việc ở nước ngoài khi ly hôn chị L đề nghị Toà án giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà Đinh Thị N đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị L, bà đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T trong thời gian anh D không ở Việt Nam. Khi nào anh D về nước, bà sẽ giao cháu T cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà cam đoan không cản trở chị Bùi Thị L thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu T. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị L và bà N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Chu Đức T, phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D với số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Chu Đức T đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐT ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị L với anh Chu Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Đức T, sinh ngày 23/9/2018 cho anh Chu Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và tự lập được, chị Bùi Thị L có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Chu Ngọc D mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2025. Tạm giao cháu Chu Đức T cho bà Đinh Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi anh Chu Ngọc D hết hạn lao động tại Nhật Bản trở về Việt Nam bà N có trách nhiệm giao lại cháu T cho anh D trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002077 ngày 05/02/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm bà Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Bùi Thị L và anh Chu Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Lê Hồng Phong;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn